VỀ CỘNG ĐỒNG NGƯỜI HOA Ở THỪA THIÊN - HUẾ TỪ THẾ KỶ XVII ĐẾN THẾ KỶ XIX

DƯƠNG VĂN HUY*

Tỉnh Thừa Thiên - Huế là một trong những trung tâm chính trị và kinh tế, văn hoá, cũng như cửa ngõ bang giao quốc tế của Việt Nam nhiều thời kỳ. Nơi đây cũng sớm tiếp nhận các luồng di cư của người Hoa trong lịch sử. Cộng đồng người Hoa được phân chia thành các nhóm người Minh Hương và Thanh nhân (người Thanh, tức là Hoa kiều ở Việt Nam). Trong khoảng thời gian từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX, cộng đồng người Hoa ở Thừa Thiên - Huế đã xây dựng được mạng lưới buôn bán rộng khắp của mình. Tuy nhiên, do đặc thù là trung tâm chính trị của Việt Nam thời chúa Nguyễn ở Đàng Trong và thời nhà Nguyễn, nên cộng đồng người Hoa ở Thừa Thiên - Huế, nhất là khu vực Kinh đô Huế, không phát triển mạnh bằng các khu vực khác như Hội An, Sài Gòn-Gia Định,... Song, họ cũng trở thành một bộ phận cư dân quan trọng, nhất là trong lĩnh vực kinh tế thương mại ở khu vực này. Bài viết này tập trung phân tích quá trình hình thành cộng đồng người Hoa ở Thừa Thiên - Huế cùng với các hoạt động kinh tế và văn hoá của họ từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX.

1. Hình thành cộng đồng người Hoa ở Thừa Thiên - Huế từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX

Trong tiến trình di cư liên tục của người Hoa sang Việt Nam qua nhiều thế hệ đã hình thành cộng đồng người Hoa với tư cách là một nhóm xã hội - tộc người tương đối ổn định, có mặt thường xuyên trong thành phần dân cư - dân tộc ở Việt Nam. Quá trình này diễn ra mạnh mẽ từ cuối thế kỷ XVII, gắn liền với sự gia tăng nhanh chóng về dân số và hoạt động thương mại cùng với sự liên kết hoá về mặt xã hội và tộc người. Đặc biệt là từ sau khi nhà Thanh thay thế nhà Minh vào năm 1644, chiến tranh xảy ra thường xuyên, nhất là ở vùng Hoa Nam của Trung Quốc. Phong trào "*phản Thanh phục Minh*" nổ ra khắp nơi khiến cho nhà Thanh đã phải dùng vũ lực trấn áp, điều này đã thúc đẩy mạnh mẽ các luồng di cư từ Trung Quốc xuống các quốc gia Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Khi đến Việt Nam sinh sống, người Hoa di trú thường định cư thành từng nhóm theo quan hệ huyết thống, đồng hương (phương ngữ) và theo ngành nghề. Từ đó hình thành nên từng làng hay phố người Hoa tại Việt Nam như "Phố Khách" ở Hội An thế kỷ XVII-XVIII, làng Minh Hương ở Phiên Trấn (Gia Định) vào cuối thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XVIII, làng Thanh Hà (Thừa Thiên - Huế) từ thế kỷ XVIII... Từ thế kỷ XIX trở đi, các phố người Hoa được hình thành ở Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, đô thị lớn khác của Việt Nam. Các cư dân của các khu phố người Hoa chủ yếu làm thương nghiệp, kinh doanh nhỏ.

---

*PGS.TS. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

Nhìn chung, ở Việt Nam, trong khoảng thế kỷ XVII-XIX, chủ yếu xuất hiện hai tên gọi đối với người Hoa là người Minh Hương (1) và Thanh nhân (Hoa kiều) (2). Quá trình di trú và hình thành cộng đồng người Hoa ở Thừa Thiên - Huế cũng như nhiều địa phương khác của Việt Nam, nhất là khu vực Trung Bộ và Nam Bộ. Ở Thừa Thiên - Huế cũng hình thành hai nhóm cộng đồng cư dân người Hoa là người Minh Hương và Thanh nhân. Trong đó, Thanh nhân sống theo các bang hội đồng hương của mình như bang Phúc Kiến, Triều Châu, Quảng Đông, Hải Nam,... và chính quyền giao cho người Minh Hương quản lý những Thanh nhân.

Trước hết, lớp người Hoa di cư đến khu vực Bắc Trung Bộ và hội nhập vào xã hội sở tại, trong đó có những nhóm cộng đồng người Hoa ở khu vực Thanh Hà của tỉnh Thừa Thiên - Huế. Ngoài thương cảng Hội An, thì Thanh Hà là một trong những tụ điểm thương mại quan trọng của Hoa thương, vì từ đây người Hoa có thể tiếp cận thị trường khu đô thành Huế, nhưng do quá gần kinh đô nên kinh tế người Hoa ở đây yếu hơn rất nhiều so với ở Hội An. Một số loại hàng hóa như "thuốc bắc hay các món hàng khác, tìm mua ở Thuận Hóa không có, thì người ta tìm mua ở đây [Hội An]", điều này cũng đủ chứng tỏ Hội An là một phố sầm uất, quan trọng vào bậc nhất ở Nam Hà thời điểm này. Ở Thuận Hóa, làng Thanh Hà và phố Thanh Hà vốn là một cảng khẩu địa phương, một cửa ngõ lý tưởng của Phú Xuân về mặt ngoại thương, có rất nhiều vật phẩm có giá trị được vận chuyển đến để cung ứng cho vương phủ, nhưng vẫn không thể sánh nổi với Hội An (3).

Thanh Hà là một làng nhỏ nằm ở tả ngạn sông Hương. Phố cảng Thanh Hà được hình thành trên cơ sở chợ Thanh Hà và cảng Thanh Hà khi chúa Nguyễn Phúc Lan dời phủ từ làng Phước Yên hay Phúc An (thuộc huyện Quảng Điền, Thừa Thiên) vào làng Kim Long (thuộc huyện Hương Trà, Thừa Thiên) năm 1636. Thương nhân ở thương cảng này chủ yếu là người Hoa. Với thị trường nội địa, Thanh Hà là trung tâm trao đổi giữa Thuận Quảng và vùng Gia Định, Đồng Nai. Với bên ngoài, nơi đây trao đổi hàng hóa với Trấn Ninh, Hạ Lào theo sông Hiếu. Trong thế kỷ XVII và XVIII, đây là đô thị thịnh vượng bên cạnh đô thành Phú Xuân với các chợ lớn như chợ Mai, chợ Hôm, chợ Chiền, chợ Thế Lại, chợ Xước, chợ Cầu (ở làng Phú Lương, Quảng Điền), chợ Thanh Hà, là cảng Thanh Hà (chợ Bao Vinh, thông với cảng Thuận An, bên bờ sông Hương). Đồng thời, nhờ tiếp xúc với thương nhân nước ngoài, nhất là Hoa thương, Thanh Hà trở thành một thương cảng lớn nhất của đất kinh thành, nên đã thu hút nhiều thương nhân ngoại quốc đến buôn bán. Trong thời kỳ thịnh đạt, phố Thanh Hà phần lớn nằm trong tay Hoa thương nên được gọi là *Đại Minh phố Khách*. Về mặt hành chính, buổi đầu Thanh Hà trực thuộc phố Hội An ở Quảng Nam, đến thời Tây Sơn (1786-1801) mới tách riêng thành một đơn vị hành chính độc lập, gọi là *Minh Hương xã - Thanh Hà phố*. Đầu thế kỷ XIX, đặt làm *Thanh Hà - chợ Dinh nhị phố Minh Hương xã*. Năm 1813 lập Minh Hương xã, một đơn vị hành chính độc lập. Như vậy, từ khoảng giữa thế kỷ XVII, bên cạnh làng Thanh Hà của người Việt lại xuất hiện một làng mới - làng Minh Hương của người gốc Hoa kéo dài đến tận năm 1962, hai làng Minh Hương và Thanh Hà nhập lại lấy tên chung là Minh Thanh (4).

Bên cạnh đó, trong hồ sơ lưu trữ của làng Minh Hương cho biết, vào năm 1657 (niên hiệu Thịnh Đức thứ 5 đời vua Lê Thần Tông), chúa Nguyễn Phúc Tần thi ân

cho lập phố tại điền thổ thuộc làng Thanh Hà và Địa Linh 1 mẫu 2 sào 5 thước 4 tấc, đó chính là cái rốn đất nổi tiếng của phố Thanh Hà. Theo một niên biểu, năm 1685 Hoa thương lập Thiên Hậu Cung (còn gọi là Chùa Bà) ngay trên địa điểm cư trú, buôn bán của mình để làm nơi tế tự cho các Hoa kiều, và cũng lấy nó làm mốc giới phía bắc cho phố Thanh Hà ngày trước. Bên cạnh Thiên Hậu Cung đồ sộ của người Minh Hương, lại có đình làng Thanh Hà, dấu vết kiến trúc xưa nhất, là mảnh đất thánh của dân làng Thanh Hà còn lại. Về phía nam của làng Minh Hương, giáp với đất Địa Linh, có bãi đất được lưu truyền là chợ Thanh Hà. Theo đó, đất của làng Minh Hương chủ yếu là đất Thanh Hà và một ít đất của làng Địa Linh. Điều đó cắt nghĩa vì sao Thanh Hà ngày nay chỉ còn lại một xóm nhỏ, khiêm tốn ẩn mình sau lũy tre làng Minh Hương. Sau khi mua đất của làng Thanh Hà, Địa Linh lập phố, Hoa thương lập Đền thờ Quan Thánh (còn gọi là Chùa Ông) ở vị trí phía nam của phố để làm đền thờ chung, và cũng lấy đó làm mốc giới cho phần đất của mình. Chùa Ông bấy giờ thuộc làng Địa Linh sau lần thưa kiện thắng lợi của dân làng dưới thời Tây Sơn. Người Hoa đến Minh Hương chủ yếu từ các tỉnh Nam Trung Hoa như Quảng Đông, Phúc Kiến. Trên những chiếc Long Đỉnh được làm vào năm Càn Long thứ 45 đời nhà Thanh (1780) đặt tại sân Chùa Ông, những ghi chú đã cho biết họ vốn từ các phủ Quỳnh Châu và Triều Châu đến đây lập nghiệp. Trong các ngôi nhà dọc ở Chùa Bà còn bảo lưu câu đối cũng cho chúng ta biết rõ hơn về những cư dân này: họ ở Quỳnh Châu, Triều Châu, Quảng Châu đến lập nghiệp (5).

Theo như ghi chép trong gia phả của họ Trần tại thôn Minh Thanh, đây là dòng họ có mặt sớm nhất trên đất làng Minh Hương. Nói đúng hơn, họ Trần là Tiền Khai canh Hậu Khai khẩn làng Minh Hương, theo gia phả được soạn thảo vào mùa thu năm Kỷ Sửu (1949). Nội dung gia phả họ Trần có ghi đấng Thủy tổ và Nhị Thế tổ nguyên từ đất Đại Thanh kế tiếp qua Đại Nam. Ngài Thủy tổ Trần Dương Thuần sinh ngày 12 tháng 8 năm Vạn Lịch thứ 39 đời nhà Minh (1611), nguyên tịch Đại Minh, tỉnh Phúc Kiến, phủ Thương Châu, huyện Long Khê, xã Ngọc Châu Thượng; mất ngày 12 tháng 4 năm Mậu Thìn đời nhà Thanh năm Khang Hy thứ 27 (1688). Đời thứ 7 Văn Nghị Công Trần Tiễn Thành làm quan dưới triều Nguyễn là một trong tứ trụ triều đình thời vua Tự Đức. Trong gia phả có đoạn ghi: "Làng Minh Hương ta nguyên trước không có ruộng công, để chi dụng việc làng, mỗi khi có tế lễ, Ông (tức Trần Tiễn Thành) đã quyên bổng mua ruộng sung cúng, cả thảy 37 mẫu (tại làng Hòa An 21 mẫu, tại làng An Quán 10 mẫu, tại làng Triều Thủy 6 mẫu, đặt làm Hương hỏa tư điền của chùa Thiên Hậu Thánh Mẫu". Về sau năm Bảo Đại thứ 2 (1927), dân làng Minh Hương truy niệm công đức Ngài Trần Tiễn Thành và lập miếu thờ. Cho nên, làng Minh Hương cách phía Bắc Thành phố Huế 3km. Theo đối chiếu vào gia phả và các sự kiện lịch sử trung đại, đây là một làng được thành lập vào khoảng giữa thế kỷ XVII. Lúc đầu làng lấy tên là Đại Minh khách phố hay "Đại Minh khách thuộc Thanh Hà phố". Đây là một cảng thị, một khu vực buôn bán nổi tiếng tại miền Thuận Hóa trong khoảng thế kỉ XVII-XVIII. Như vậy, sự hình thành làng Minh Thanh gắn liền với sự hình thành hai làng Thanh Hà và Minh Hương (6).

Bên cạnh Minh Hương xã, tại Thành phố Huế còn có các làng Minh Hương khác ở Thừa Thiên - Huế. Chẳng hạn như làng Minh Hương xã Điền Hải, huyện Phong Điền, nơi sinh sống của người dân có gốc

gác từ nhiều vùng đất khác nhau, hoặc như làng Minh Hương ở xã Hương Vinh, thị xã Hương Trà. Đối với làng Minh Hương ở xã Điền Hải (huyện Phong Điền), ngôi làng này một thời được ví như "thương cảng" của dải đất Ngũ Điền. Nói về làng Minh Hương trước hết phải giới thiệu về phá Tam Giang, chiếc nôi hình thành nên một làng buôn bán phía Đông bờ phá, trên rẻo cồn phía Nam làng Thế Chí Đông vào thế kỷ XIX. Phá Tam Giang kéo dài từ cửa sông Ô Lâu ở phía Tây đến cửa Thuận An ở phía Đông. Ở phía Đông Ô Lâu nối liền với Quảng Trị qua dòng sông Vĩnh Định, tạo thành con sông liên thông nối liền Trị Thiên, dòng thủy đạo này với hệ thống sông Bồ, sông Ô Lâu, sông Hương, sông Vĩnh Định liên thông với Thạch Hãn, sông Hiếu (Quảng Trị) đã được một nhóm cư dân tiên phong vào nửa đầu thế kỷ XIX lựa chọn làm con đường buôn bán mưu sinh và lập nghiệp, hình thành một làng buôn bán tranh tre, làm hàng xáo, gỗ củi và hàng loạt thổ sản khác ven đầm phá. Tuy nhiên lịch sử của làng Minh Hương phần lớn gắn liền với dòng họ Trần, trong đó có vị quan lớn Trần Tiễn Thành (7), người được xem là hậu khai khẩn làng Minh Hương. Dòng họ Trần được xem là dòng họ có vai trò quan trọng đối với làng Minh Hương ở đây. Theo như gia phả dòng họ Trần thì dòng họ này là những lưu dân nhà Minh không chịu khuất phục nhà Thanh, lưu trú tại Việt Nam. Sau khi tiên tổ Trần Dưỡng Thuần di cư về phương Nam, đa phần họ có vợ kế là phụ nữ Việt Nam. Đa phần con trai họ Trần dòng thứ (mẹ Việt) đều lấy vợ Việt; không ít con gái họ Trần lấy chồng gốc Hoa (8). Bằng đường thủy, đò của dân làng chèo chống đến những vùng chợ huyện Vĩnh Linh, chợ Đông Hà (Quảng Trị)… Thổ sản của núi rừng Vĩnh Linh, Cam Lộ (Quảng Trị), Phong Điền, Hương Trà, Hương Thủy… được người dân chuyên chở về cung ứng cho các làng quê dọc phá Tam Giang. Nhờ có chiếc đò, tài buôn bán, người dân Minh Hương đã đóng góp lớn vào mạng lưới thương nghiệp, góp phần vào sự phát triển của làng Minh Hương này.

2. Hoạt động kinh tế của cộng đồng người Hoa ở Thừa Thiên - Huế từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX

Kể từ khi các chúa Nguyễn thiên di thủ phủ xứ Đàng Trong đến Kim Long (1636) và Phú Xuân (1687), do yêu cầu tiêu dùng của phủ Chúa và quan binh, đã hình thành ở Phố Lở Bao Vinh một khu phố thị với hoạt động nhộn nhịp của thương nhân, nhất là Hoa thương. Đến nửa đầu thế kỷ XIX, khu phố thị này lan dần lên phía chợ Dinh Gia Hội và tồn tại cho đến ngày nay. Trong lịch sử nước ta, các chính quyền quân chủ Việt Nam thường cách ly khách ngoại quốc ra khỏi khu vực kinh đô, hạn định họ sống ở những địa phương nhất định (9). Đến thời kỳ các chúa Nguyễn ở Đàng Trong, trên nguyên tắc vẫn noi theo chính sách truyền thống (cách ly người Hoa khỏi khu vực kinh thành), nhưng trên thực tế đối với các Hoa thương đến buôn bán và cách quản chế các Hoa kiều có phần lơi lỏng hơn. Chúa Nguyễn bắt đầu lấy xứ Hội An, tỉnh Quảng Nam làm hải cảng mậu dịch với ngoại quốc, cho các nhà buôn Trung Hoa, Nhật Bản cư trú và kinh doanh, và phái quan viên chủ quản Tào vụ thường xuyên cư trú ở đó để tiện việc quản chế mua bán. Mặt khác, từ ngày Nguyễn Hoàng (tức Chúa Tiên) vào trấn thủ Thuận Hóa trở về sau, cho phép Hoa thương đến mua bán ở vùng phụ cận Thủ phủ và cho cất phố cư trú ở đấy. Ấy là bối cảnh lịch sử vì sao phố Thanh Hà ở Thuận Hóa được phép xây dựng (10). Do điều kiện phát triển kinh tế của Thuận Hóa không thể sánh với Quảng Nam được, dân cư ở Thuận Hóa

nghèo và tài nguyên thổ sản không có là bao, trái lại khu vực Quảng Nam dân cư đông đúc, thổ sản phong phú, có nhiều mặt hàng xuất khẩu quan trọng như trầm hương, kỳ nam, quế, sừng tê, đồi mồi, yến sào, tốc hương, sáp ong, đường mật, cá muối, nhiều loại gỗ quý,... đồng thời nhiều loại hàng hóa ở Thuận Hóa chủ yếu được chuyển từ vùng Quảng Nam ra. Trong *Phủ Biên tạp lục*, Lê Quý Đôn cũng cho biết thông tin hàng hóa ở Thuận Hóa và Quảng Nam qua một thương nhân họ Trần người Quảng Đông, "thuyền từ Sơn Nam về chỉ mua được một thứ củ nâu, thuyền từ Thuận Hóa về cũng chỉ có một thứ hồ tiêu; còn từ Quảng Nam về thì các hàng không món gì không có, các nước phiên không kịp được" (11).

Bên cạnh đó, khu vực Hội An lại có mạng lưới các trung tâm kinh tế vệ tinh nhằm phân phối và thu gom hàng hóa cho Hội An, vì "phàm hóa vật sản xuất ở phủ Thăng Hoa, Điện Bàn, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Bình Khang và dinh Nha Trang, đường thủy đường bộ đi thuyền, đều tụ tập ở Hội An, vì thế người khách phương Bắc đều tụ tập ở đấy mua hàng về nước" (12). Mặt khác, "xứ Thuận Hóa tô ruộng cũng ít, thường chở thóc ở Quảng Nam để cấp cho quân, có quan coi việc chuyên chở" (13) và "Thuận Hóa không có nhiều của cải, đều lấy ở Quảng Nam vì xứ Quảng Nam là đất phì nhiêu nhất thiên hạ" (14). Chính vì vậy, "do điều kiện khách quan, trái với sự phồn thịnh của phố Hội An ở Quảng Nam, phố Thanh Hà ở Thuận Hóa không thể trở nên một nơi đô hội buôn bán lớn" (15). Mặc dù người Hoa bị hạn chế trong việc cư trú ở kinh đô, song họ vẫn là lực lượng kinh tế quan trọng ở Thừa Thiên - Huế trong khoảng thế kỷ XVII-XIX, nhất là trong lĩnh vực thương mại.

Về mặt kinh tế thương mại, các thương thuyền của Hoa thương bắt đầu thông thương với Thuận Hóa và được ghi chép trong *Đông Tây Dương khảo* của Trương Nhiếp (Quyển I, mục Giao Chỉ), trừ Quảng Nam (Hội An), Tân Châu và Đề Di thì Thuận Hóa cũng được điền tên với tư cách là hải cảng Giao Chỉ mà thương thuyền của Hoa thương qua lại mua bán đầu thế kỷ XVII; và theo Hầu Kế Cao trong *Toàn Chiết Bình chế khảo* (quyển II, Phụ lục, Cận Báo Oai Kinh) đã chép, thì từ mùa xuân năm "Vạn Lịch thứ V (1577), thuyền Phúc Kiến đến Thuận Hóa buôn bán đã nhiều đến 13, 14 chiếc, như thế có thể biết rằng từ cuối thế kỷ XVI, Thuận Hóa (khi đó là chỉ Dinh Cát) đã trở thành một thương cảng quan trọng của các thương thuyền Trung Hoa (16). Những hàng hóa chủ yếu mà trong khoảng thế kỷ XVI-XVII các thuyền buôn Hoa thương chở qua Thuận Hóa (Dinh Cát) là: tơ sống, đồng, sắt và đồ sứ.

Bên cạnh đó, năm Sùng Hy thứ 9 (1636), chúa Nguyễn Phúc Lan thấy địa thế Phúc An quá chật hẹp, bèn dời phủ đến xã Kim Long, huyện Hương Trà, tức xứ Kim Long, bên bờ sông Hương, cách Tây Nam thành Thuận Hóa khoảng 2 cây số. Chúa Nguyễn đặt phủ trị ở đó một thời gian hơn 50 năm, đến năm Khương Hy thứ 26 (1688), chúa Nghĩa nối ngôi bèn dựng phủ mới ở xã Phú Xuân, phía Đông của Kim Long, đó chính là kinh thành Phú Xuân sau này, tức góc phía Nam thành Thuận Hóa ngày nay. Sau khi dời phủ về Kim Long, phố Thanh Hà được thành lập, theo khảo sát của Trần Kinh Hòa thì niên đại thành lập phố Thanh Hà khoảng năm 1636, và Chúa Nguyễn chính thức công nhận thương cảng Thanh Hà làm nơi kiều cư cho thương khách (17).

Phố Thanh Hà trong thế kỷ XVII, khu vực này chỉ có hai dãy phố nhà mái lợp tranh đơn sơ nằm về phía tây con đường làng Minh Thanh hiện nay, hướng chính của

các dãy nhà quay mặt ra bờ sông. Sau khi chiếm được bãi đất bồi, Hoa thương dựng lên một dãy nhà đối diện quay lưng ra bờ sông, lấy con đường của làng Thanh Hà làm đường phố chính. Phố bao gồm những cửa hàng, cửa hiệu, các đại lý xuất nhập khẩu và những nhà cho thuê dành cho thương khách ở xa, chủ yếu là thương nhân Trung Quốc mới đến, hoặc thương nhân giữa hai mùa mậu dịch trong thời áp đông (từ tháng 10 cuối năm đến tháng 3 năm sau).

Đến khoảng năm 1700, phố Thanh Hà được sửa sang thêm và phần nhiều để cho thương khách Trung Hoa thuê. Năm 1749, P. Poivre, một thương nhân người Pháp đến Thuận Hóa đã từng lưu trú trong một gian phố gạch nói trên. Trong nhật ký ngày mồng 5 tháng 12 năm ấy (1749), P.Poivre gọi Thanh Hà là "Phố", và nói rằng cách trang trí phòng khách nhà cửa của "Phố" ấy dáng kiểu Trung Hoa, phố xá liên lạc, có một con đường lớn rải đá, chính là một khu buôn bán ở đô thành và một nơi rất nên để ý nghiên cứu, cụ thể Pierre Poivre đã mô tả "[Thanh Hà]… đường phố chật hẹp và lụt vào mùa mưa. Khu phố người Hoa ngăn nắp nhất. Nhà cửa được xây theo kiểu Trung Hoa và rộng rãi, đường phố sắp đặt gọn gàng" (18).

Thời kỳ các chúa Nguyễn, cộng đồng người Hoa ở phố Thanh Hà còn trực thuộc cộng đồng người Hoa ở phố Hội An, đến thời Tây Sơn (1786-1802), hai phố mới chia thành hai đơn vị hành chính biệt lập gọi là Minh Hương xã phố Thanh Hà và Minh Hương xã phố Hội An. Khi đó các phố còn có tên là "Đại Minh phố Khách". Về các hoạt động buôn bán ở phố Thanh Hà, Lê Quý Đôn có viết trong *Phủ Biên tạp lục* như sau: "Xứ Thuận Hóa, đường thủy đường bộ liên tiếp với xứ Quảng Nam lại thông với các nước phiên, về đường biển thì cách tỉnh Phúc Kiến, tỉnh Quảng Đông không đến 3, 4 ngày, cho nên thuyền buôn từ trước đến tụ hội ở đấy. Vào đời Vĩnh Lạc nhà Đại Minh có đặt ty Thị bạc để cử Thuận Hóa, lại có trường Trừu phân. Chúa Nguyễn đã thu được thuế thuyền rất nhiều" (19). Bên cạnh đó, theo như một thương nhân họ Trần ở Quảng Đông thì "từ Quảng Châu theo đường biển đến trấn Thuận Hóa, được gió thuận là chỉ 3 ngày 3 đêm, vào cửa Eo, đến phố Thanh Hà ở Phú Xuân" (20).

Hoạt động kinh tế của Thanh Hà gắn chặt với Hội An, Hoa thương thường mang hàng hóa từ Hội An đến Thanh Hà tiêu thụ kiếm được lời lớn. Trong *Phủ biên tạp lục*, Lê Quý Đôn cũng cho biết, "tại phố Hội An xứ Quảng Nam, nồi đồng mâm đồng, do tàu Tây phương chở đến bán, bình thời kể có hàng nghìn hàng vạn, người Bắc Khách lại buôn về phố Thanh Hà, thường được lời gấp đôi" (21). Nhìn từ nhiều phương diện thì phố Thanh Hà trên thương trường cũng chỉ được coi như một cảng khẩu tại địa phương Thừa Thiên, để vận chuyển và phân tiêu hàng hóa từ phố Hội An mà thôi. Những tàu buôn từ Trung Quốc trực tiếp đến Thanh Hà rất ít, bởi vì các quan chức coi về Tào vụ của nhà Nguyễn, trong mùa buôn bán đều đóng ở Hội An, mà theo Tào vụ nhà Nguyễn quy định thì phàm tàu khách buôn muốn đến thông thương tại các cảng thuộc địa hạt của nhà Nguyễn trước hết đều phải đến Quảng Nam (Hội An) để làm xong thủ tục mới được đến các xứ khác buôn bán. Bên cạnh đó hàng hóa buôn bán, nhất là thổ sản ở Thuận Hóa rất ít, những thuyền buôn của người Hoa đến phố Thanh Hà chủ yếu là mua hồ tiêu và cau mà thôi (22). Nhưng những người Hoa cư trú ở phố Thanh Hà (người Minh Hương) cũng tích cực tham gia vào các hoạt động buôn bán thậm chí dong thuyền đến Trung Quốc buôn bán, theo như lời nhận xét của một

thương nhân của Công ty Đông Ấn Anh tên là Ch. Chapman đến Thuận Hóa khảo sát tình hình buôn bán, từng lưu ngụ tại nhà Vương Đại Xá, một người Hoa phố Thanh Hà là Ch. Chapman cho biết: "Y (tức Vương Đại Xá) là một người Tàu lai, cha Tàu mẹ Bắc Kỳ, thường qua Quảng Châu buôn bán, học hiểu ít nhiều phương pháp mậu dịch của người châu Âu. Y rất tán thành việc chúng ta (tức Công ty Đông Ấn Anh) mở đường buôn bán với Indo-chine (tức xứ Quảng Nam), hy vọng được ủy làm đại lý cho Công ty để coi sóc công việc. Chúng ta đi đến nhà Vương Đại Xá bằng thuyền; nhà này thường thường có người Tàu ra vào, vì chức vụ của y coi trình báo xuất nhập cảng cho các tàu buôn Trung Hoa và trưng thu quan thuế" (23).

Cùng với sự suy thoái của hoạt động thương mại ở thương cảng Hội An thì thương cảng Thanh Hà cũng có những thay đổi mạnh mẽ. Thanh Hà cuối thời chúa Nguyễn vẫn còn là khu buôn bán phồn thịnh ở Thuận Hóa, nhưng qua thời Tây Sơn, đến năm đầu Gia Long, tình hình đã thay đổi khác. Phố Thanh Hà suy tàn, dĩ nhiên là vì Hoa thương dời đi nơi khác bởi chính sách quản lý của nhà Tây Sơn (24) và trước mặt phố nổi lên một vùng cồn. Đến cuối thời Tây Sơn, quá nửa thương khách phố Minh Hương ở Thành Hà đã dời đi nơi khác. Hoa thương dời bỏ phố Thanh Hà không phải là việc xảy ra trong chốc lát, thực ra phải trải qua một thời gian khá lâu. Trong thời gian đầu thế kỷ XIX, Morineau đến khảo sát Thanh Hà, căn cứ trên dấu tích còn lại, tác giả đã phác dựng khu phố như sau: "Những làng của người Hoa lai Việt, một số sắp thành hàng trên bờ sông, đó là những túp lều tranh dựng trên những bộ cọc nhà sàn. Một số khác là cửa hàng có xây gạch và lợp ngói chiếm phía bắc con đường mòn hoặc đường phố thành một dãy phố chạy dài đến tận các đồng lúa. Đất phố mà trên đó gồm các công trình kiến trúc xây dựng rộng rãi từ đền thờ Quan Công dựng lên khi làng Minh Hương mới thành lập đến tận đường mòn Thanh Hà, nơi vị trí bây giờ ở cầu một nhịp. Ở đó, các dòng chảy đổ vào các ruộng lúa dọc theo con đường mòn cũ" (25). Bên cạnh đó, năm 1802 vua Gia Long thống nhất hai miền Nam - Bắc và định đô ở Huế thì Hoa thương phố Thanh Hà muốn dời đến tiếp cận kinh thành để tiện việc buôn bán, đó là một khuynh hướng tất nhiên. Cũng vì thế, mà trong khoảng triều vua Gia Long (1802-1819), trung tâm thương nghiệp Hoa kiều đã từ phố Thanh Hà dời đến chợ Bao Vinh. Chợ này nằm trên tả ngạn sông Hương nối với hai xã Thanh Hà và Địa Linh. Lúc đó hàng hóa của Hoa thương kéo dài từ phố Thanh Hà, qua xã Địa Linh, đến chợ Bao Vinh, và phố Thanh Hà không còn là trung tâm cư trú và buôn bán của Hoa thương như trước (26).

Về tình hình chợ Bao Vinh lúc đó, Michel Đức Chaigneau, một người Pháp ở Thuận Hóa từ năm 1803 đến 1825 có chép trong *Hồi ức về Kinh thành Huế đầu thế kỷ XIX* (Souvenirs de Hue) rằng: "Thẳng trên con đường từ Thuận Hóa ra cửa biển, đi chừng 2 cây số, qua một cái cầu gỗ thô kịch thì đến một con đường rộng rãi, hai bên phố xá giăng liền. Phần nhiều nhà trong phố đều lợp ngói, trong đó có toàn nhà chung quanh có hành lang, có cái chỉ là một gian phòng mà đằng sau có sân vườn và nhà bếp. Cách xây cất phòng ốc và cách trang hoàng bên trong đều theo một lối như nhau, phòng chính chừng phần nửa chiều dài, mở một cửa ra vào, đằng trước chia làm hai gian hàng, và đằng sau ngăn hai chái làm phòng ngủ và kho chứa. Đường phố ấy tên là Bao Vinh. Ở đây, người Tàu

và người Việt buôn bán rất lớn, phần đông hàng buôn lấy xa xỉ phẩm làm chủ yếu. Dân cư so với phố chợ khác thì được an ninh hơn. Đi qua phố, cũng nhận thấy dân phố rất giàu có. Trước phố tuy có hơi ồn ào, nhưng cư dân rất cần cù, không có dáng điệu biếng nhác. Phần lớn phố xá do Khách trú choán ở, các phố đều đầy dãy những hàng hóa Trung Quốc. Trên phố người đi tấp nập, cho đến những hạng lao công cũng quý tiếc từng giờ từng phút, làm lụng luôn tay, mong một ngày kia cũng trở thành một thương gia giàu có. Vì một đồng công ít ỏi, người ta quét đường, gánh nước, hay là khuân vác các rương hòm cho mấy hiệu buôn. Thậm chí có người mò trong các mương nước dơ, tìm nhặt xương bò, xương lợn. Những xương ấy chở về Trung Quốc, năm sau biến thành đồ chơi trẻ con, lại trở qua xứ này bán cho người Việt. Thường thường thuyền buôn Trung Hoa tiến vào cửa Huế, ngược theo dòng sông chừng 12 cây số thì đến Bao Vinh, đây là nơi thương quán và kho vựa tập trung của bọn chúng, nhưng chính quyền Việt Nam không cho bọn chúng lên đến gần đô thành, các thuyền buôn Trung Quốc ấy chở đến những vải vóc, đồ sứ, trà, thuốc bắc, trái cây ướp muối, trái cây ướp đường và đồ chơi,... và mua chở về Tàu các thổ sản Việt Nam như cau khô, tơ sống, gỗ, sơn, sừng tê và ngà voi" (27). Qua đoạn miêu tả về tình hình người Hoa ở Bao Vinh như trên cũng phản ánh về cơ bản hoạt động kinh tế của người Hoa ở đây, mặc dù đây không phải là trung tâm kinh tế lớn như Hội An nhưng cũng là một đầu mối quan trọng cho các hoạt động kinh tế của người Hoa.

Bên cạnh đó, xứ Thuận Hóa thời Gia Long còn chứng kiến sự phát triển của Chợ Dinh, Chợ Được, phố Gia Hội, phố Đông Gia và phố Đông Hội ở Đông Nam thành Thuận Hóa. Chợ Dinh và Chợ Được đều nằm trên bờ Hương Giang, Chợ Dinh hiện nay nằm về phía Bắc của Hội quán Phúc Kiến, Chợ Được ở dãy đầu cầu Gia Hội. Còn ba phố Gia Hội, Đông Gia và Đông Hội thì ở liền trên bờ sông Hộ thành, đối diện với tường phía Đông thành Thuận Hóa. Một tờ công văn vào năm Gia Long thứ 9 (1810) gọi Thừa Thiên Minh Hương xã là Minh Hương xã phố Thanh Hà và phố Chợ Dinh. Trong *Hồi ức về Kinh thành Huế đầu thế kỷ XIX*, tập trung, Michel Đức Chaigneau có viết: "Chợ Dinh và chợ Được chưa có nhiều phố buôn Hoa kiều, nhưng ở Kẻ Trải (tức Đông Hội) có nhiều người Tàu làm việc và buôn bán" (28), như thế cũng đủ biết vào cuối đời Gia Long, một dãy Chợ Dinh và Đông Hội trở thành khu thương nghiệp trọng yếu của thành Thuận Hóa. Bên cạnh đó, trước mặt phố Thanh Hà nổi lên một cái cồn trong khoảng thời gian năm 1850 khiến cho những thuyền buôn lớn không thể đậu ở phố Thanh Hà mà phải đậu tại làng Thanh Phước ở hạ lưu, hay ngược lên Bao Vinh, lấy nơi ấy làm thương cảng của thành Thuận Hóa, hay chạy lên đến tận bến Chợ Dinh, nơi mà từ năm đầu Gia Long về sau, phần đông Hoa thương phố Thanh Hà đã dời đến. Năm 1876, lúc Detreuil de Rhins, thuyền trưởng tàu Scorpion của Pháp, đi qua phố Thanh Hà, đã không chú ý đến phố ấy chút nào. Thuyền chạy qua mũi phía Nam của cồn Minh Hương (29) mới chú ý đến hoạt động thương mại của Bao Vinh. Trong bài *Vương quốc An Nam và người An Nam,* Detreuil de Rhins cũng cho biết: "sau khi qua cồn giữa (tức cồn Minh Hương), bản thuyền tiến vào khúc sông rất hẹp của Hương Giang, đường sông quanh co đến góc phía Bắc

thành Thuận Hóa, tường thành ở đây rất chắc chắn. Ở phía giữa có thôn Mang Cá, quãng giữa có một con sông con, chia làng ấy làm hai. Mặt sau cầu là chợ, đây là nội cảng của Thuận Hóa, phần đông thuyền buôn Việt Nam và Trung Hoa tấp nập trên khúc sông vừa hẹp vừa sâu ấy" (30).

Mặc dù đến khoảng cuối thế kỷ XIX, dân số Hoa kiều ở khu vực Thuận Hóa giảm đi rất nhiều, nhưng thực lực kinh tế vẫn rất mạnh, và họ là những người nắm trong tay các hoạt động thương nghiệp chủ yếu. Về vấn đề này, khoảng năm 1876, Detreuil de Rhins cũng cho biết thêm: "con đường lớn từ đầu cầu (tức cầu Gia Hội) đều là phố buôn bán của Hoa kiều. Chính quyền Việt Nam đối với người ngoại quốc vẫn không tín nhiệm, tuy mở cửa cho họ vào, nhưng vẫn để họ ở địa vị rất thấp kém. Tại khu vực phía Bắc, Hoa kiều ở vùng Đông kinh (Hà Nội)) rất đông, nhưng số người chưa đến một vạn, còn ở các tỉnh khu vực phía Nam, trung bình chưa đến 500 người. Nói riêng một tỉnh Thuận Hóa, ở Thuận An chừng 200 người, thuộc các thuyền bè, hoặc làm quan thuộc triều đình Thuận Hóa; chừng 150 đến 180 người ở 'Kieu-deouc' (Chợ Được). Lại có phỏng chừng hai mươi Hoa kiều ở tại các vùng lân cận. Nhân số Hoa kiều tuy ít, nhưng đã chiếm được các thương nghiệp lớn lao. Tại Chợ Được, các nhà hàng Hoa kiều giống như các cửa hàng lớn bây giờ (Bazar). Những hàng bán, đặc biệt là vải Trung Quốc và vải Anh quốc, vải quyến hay vải bông, đồ sứ đồ gốm, đồ dùng trong nhà, trà, thuốc bắc, cải bắc thảo, thuốc lá, đồ văn phòng, đồ chơi, đồ tế tự và phần nhiều đồ tạp hóa cần dùng hàng ngày. Các Hoa thương đến từ các tỉnh bên Tàu như Hải Nam, Quảng Đông, Phúc Kiến,... Tuy thuộc hội đồng hương, tôn giáo khác nhau, nhưng họ vẫn đoàn kết với nhau rất chặt chẽ. Chúng ta nhận thấy trong mỗi người Hoa, tính dân tộc tự tôn và một thứ mặc cảm ưu việt áp đảo của họ. Tại xứ này, tuy không có Lãnh sự, không có quân đội bảo hộ, nhưng thương gia Trung Quốc trước mặt nhân dân và quan viên lớn nhỏ An Nam vẫn phệ bụng nghênh ngang, chẳng chịu khúm núm đối với bất kỳ hạng người nào, đối với người bản xứ thì tỏ vẻ thương hại, vì thế rất được người An Nam tôn kính" (31).

Hơn nữa, về tình hình phát triển của phố Gia Hội và dãy Chợ Dinh trong khoảng các đời vua Gia Long, Minh Mạng, trong *Đại Nam nhất thống chí*, mục Phố chợ tỉnh Thừa Thiên có chép: "Khoảng năm Gia Long, từ Đông Bắc cầu Gia Hội đến Đông Nam cầu Đông Gia cư dân phố một dãy thẳng sông, chen chúc những nhà tranh thường có hỏa hoạn; năm Minh Mạng thứ 18 (1837), khiến Vũ Lâm Thự Thống chế Lê Văn Thảo đốc suất quân lính cất thêm 399 gian, phố dài, kéo dài hơn ba dặm. Dân tình nguyện cất 149 gian, tường cột bằng với gạch, mặt trước trổ cửa, cứ ba gian xây chắn một vách tường, mặt sau xây cửa vọng nguyệt. Nhân dân ở đây buôn bán. Đến nay mua đi bán lại nhà phố ấy đều thành của riêng, phố ngói dăng hàng, buôn bán tấp nập. Phố Gia Hội từ Đông Bắc cầu Gia Hội đến Đông Nam cầu Đông Gia, nay thuộc phường đệ ngũ. Phố Đông Gia từ phía Bắc cầu Đông Gia đến Đông Nam cầu Thể Lại, nay thuộc phường Đệ Thất trở xuống. Phố Đông Hội từ phía Bắc cầu Thể Lại đến góc Trấn Bình Đài. Ba phố kể trên, từ khoảng Gia Long đều liên hàng lợp bằng ngói, người Thanh người Hán ở xen lẫn nhau, những hàng buôn tạp hóa bán đủ các thứ hàng; về sau dần dần đổi ba Phố thành 3

Hàng, gọi là 3 Hàng ở phía Đông thành (Thành Đông Tam hàng). Phố Chợ Dinh từ cầu Gia Hội đến xóm dước Chợ Dinh, chia làm 8 hàng, Gia Thái hàng, Hòa Mỹ hàng, Dinh Ninh hàng, Hội Hòa hàng, Mỹ Hưng hàng, Thụy Lạc hàng, Tam Đăng hàng, gọi là 8 Hàng dọc bờ sông (diên giang bát hàng), dài hơn 3 dặm, giữa có đường lớn, hai dãy phố lớn đối diện nhau. Người Thanh, người Hán buôn bán tấp nập hơn ba phố trước nhiều" (32).

Có thể nói rằng, khoảng cuối thế kỷ XIX, Hoa kiều ở Chợ Được và Chợ Dinh đã thay thế Khách trú ở phố Thanh Hà mà độc chiếm những mối thương mại lớn ở đất Việt. Ngoại trừ các tổ chức buôn bán quy mô, các Hoa kiều còn có phương pháp kiếm lợi khác như mở sòng bạc, hoặc đút lót các nhà cầm quyền để được quyền đúc tiền, trưng thầu thuế đò thuế chợ, hoặc bán độc quyền rượu, nha phiến,... Cũng có những Hoa thương có thế lực được độc chiếm quyền cung cấp hàng hóa cho chính quyền hoặc nhà vua (33). Bên cạnh đó, theo như báo cáo của Crawfurd về tình hình thuyền buôn Trung Hoa đến Huế năm 1822 thì ngoài những Hoa thương định cư ở các tụ điểm xung quanh Kinh thành Huế thì hàng năm có nhiều thuyền buôn của Hoa thương đến từ các cảng thị khác nhau của Trung Quốc như ở Hải Nam, Quảng Châu, Macao,... cụ thể có 10 thuyền buôn đến từ Hải Nam, Quảng Châu, Ma Cao, và các cảng phía bắc khác của Trung Quốc, trọng tải mỗi thuyền là 3.000 picul, tổng trọng tải là 30.000 picul (34) đã đến buôn bán ở thương cảng này. Mặc dù vậy, so với Hội An thì số thuyền của Hoa thương đến Huế vẫn khiêm tốn hơn rất nhiều, điều này cũng phản ánh rằng khu vực Quảng Nam vẫn là địa bàn chính của Hoa thương.

3. Đời sống văn hoá cộng đồng người Hoa ở Thừa Thiên - Huế

Đời sống văn hoá của cộng đồng người Minh Hương và cộng đồng người Hoa kiều (Thanh nhân) có những chuyển biến tương đối khác nhau. Trong khi người Minh Hương có xu hướng hội nhập ngày càng mạnh mẽ hơn vào xã hội sở tại và thể hiện yếu tố văn hoá Việt ngày càng rõ nét, thì người Hoa kiều được phân theo phương ngữ hay nhóm đồng hương (chẳng hạn như nhóm người Hoa nói tiếng Quảng Đông, tiếng Phúc Kiến (Mân), tiếng Triều Châu, tiếng Hải Nam,... Họ có nhiều nét văn hóa tương đồng với nhau bởi vốn cùng một gốc gác, song trong từng nhóm lại có không ít đặc điểm riêng phân biệt với các nhóm khác.

Bên cạnh đó, người Hoa ở Thừa Thiên - Huế chủ yếu theo các tôn giáo và tín ngưỡng truyền thống của họ. Họ xây dựng các Hội quán, miếu mạo để thực hành tín ngưỡng và tôn giáo của mình. Nằm ở phía Đông Nam Kinh thành Huế, con đường Chi Lăng thuộc khu phố cổ Gia Hội là nơi tập trung nhiều hội quán người Hoa. Từ sớm người Hoa kiều đã xây dựng những hội quán để phục vụ cho tín ngưỡng và làm nơi tụ họp với sự cho phép của triều đình Huế. Đó là Hội quán của người Hải Nam thờ Bà Mã Châu, nằm ở góc đường Hồ Xuân Hương và đường Chi Lăng. Lúc mới đến Thuận Hóa, người Minh Hương làm chùa Bà (Thiên Hậu Cung) tại làng Minh Hương, xã Hương Vinh, huyện Hương Trà. Sau lên khu phố cổ Gia Hội, người Minh Hương làm ăn phát đạt làm thêm hội quán này. Đó cũng là Hội quán Triều Châu ở đường Chi Lăng, nơi thờ những vong linh xiêu bạt của Bang Triều Châu. Đây là ngôi hội quán lớn nhất và giàu có nhất so với các hội quán khác ở khu phố cổ Gia Hội.

Tiếp đó là Hội quán Quảng Đông của bang Quảng Đông ở đường Chi Lăng,

Thành phố Huế ra đời từ cuối thế kỷ XIX, thờ Quan Công và Hội quán Phúc Kiến xây dựng vào năm Tự Đức thứ 7 (1854), thờ "Tam vị, ngũ vị". Sau đó, gần Hội quán Quảng Đông, Hội quán Quảng Triệu cũng được xây dựng, có mở lớp dạy Hoa ngữ. Chùa Triều Châu, một ngôi chùa có quy mô rất bề thế, là nơi thờ những vong linh phiêu bạt đến từ Triều Châu. Chùa Triều Châu là ngôi chùa cổ lớn nhất và giàu có nhất so với các chùa của người Hoa khác ở khu Gia Hội xưa.

Ở đường Chi Lăng, Thành phố Huế còn có Chiêu Ứng Từ, nằm đối diện chợ Cồn Phú Cát hiện nay. Ngôi đền được dựng vào năm 1887, thờ 108 người Hải Nam sang định cư làm ăn ở Thuận Hóa bị thiệt mạng trong đại án hải tặc thời vua Tự Đức. Ngôi đền do Hoa thương phố Gia Hội xưa quyên góp sửa ngôi chùa cổ đã sụp đổ vào năm 1887. Năm 1908, ngôi đền được trùng tu và có tầm vóc như ngày nay. Tập tục thờ cúng 108 vị Chiêu Ứng Anh Liệt (có nơi gọi là Nghĩa Liệt Chiêu Ứng) đã trở thành đặc trưng văn hóa và cũng là "đặc điểm nhận dạng" của cộng đồng người Hải Nam (35). Ban đầu, các vong linh được đem thờ chung ở ngôi chùa Bà gần đó có tên Quỳnh Châu Hội quán nơi thờ Bà Thiên Hậu. Chùa này cũng do sự đóng góp của người Hải Nam mà xây lên. Năm 1887, bang hội người đảo Hải Nam quyết định cho xây một ngôi miếu riêng nằm ở địa điểm ngày nay nhưng quy mô khi đó tương đối nhỏ. Đến năm 1908, ngôi miếu được trùng tu lớn do các nghệ nhân người Hải Nam đích thân thực hiện, kiểu dáng y hệt như miếu xây ở Hải Nam nhưng với kích thước thu nhỏ lại. Ở phần tường phía trên cổng là những điêu khắc các nhân vật trong những tích của các tuồng Tàu. Trên cổng có treo tấm biển khắc chữ "Chiêu Ứng Từ" (36).

Trong quá trình phát triển của cộng đồng người Hoa Hải Nam ở Huế cũng như các nơi khác ở Việt Nam, ý nghĩa trọng tâm của tục thờ Chiêu Ứng Anh Liệt biến đổi theo thời gian. Ban đầu, họ thờ Chiêu ứng với ý nghĩa tưởng nhớ người đã khuất. Bên cạnh đó trong hoàn cảnh giao thương đường biển đầy bất trắc thời bấy giờ, họ thờ Chiêu Ứng còn nhằm để gửi gắm sự cầu mong được phù hộ an toàn cho những chuyến buôn của mình. Dần dần qua thời gian, đời sống phát triển, tín ngưỡng Chiêu Ứng trở thành biểu tượng văn hóa đặc thù giúp họ thể hiện những giá trị của cộng đồng, khu biệt và nhận dạng cộng đồng mình với những cộng đồng người Hoa theo phương ngữ khác.

Đối với hoạt động văn hoá của người Minh Hương, chúng ta có thể nhìn nhận từ trường hợp chùa Bà Hải Nam thờ Bà Mã Châu của làng Minh Hương. Tương truyền lúc mới đến Thuận Hóa, người Minh Hương làm chùa Bà (Thiên Hậu Cung) tại làng Minh Hương. Sau lên khu Gia Hội, họ làm ăn phát đạt làm thêm Chùa Bà này. Chùa này vẫn thờ Thiên Hậu với tư cách là thần chính và phối thờ Ba bà chúa sinh thai, 12 bà Mụ, Văn Xương, Phúc Đức cùng chư vị các quan. Ngoài ra, trong khuôn viên của chùa còn có nhà Tiên hiền thờ những người đời trước có công với làng, thờ Phật Quan Âm ở đầu hồi nhà Hương hội. Nhà Hương hội có tượng Bác Hồ bằng thạch cao nhưng không có các ban thờ và không thờ cúng. Song, Thiên Hậu là vị thần chính của chùa Bà, được thờ ở hai khám tại gian giữa của chính điện. Ở khám lớn trong cùng, Bà được thờ bằng hai pho tượng cùng hai thị nữ theo hầu nhưng ở khám nhỏ hơn phía trước, Bà được thờ với ba pho tượng lớn, nhỏ khác nhau và có hai nam thần hộ vệ là Thiên Lý Nhãn và Thiên Lý Nhĩ. Bà đã được các triều đại quân chủ Việt Nam gia phong bốn lần

với năm đạo sắc, vào các năm 1826, 1831, 1842, 1850. Theo tư liệu phỏng vấn của Phan Thị Hoa Lý đối với một người gốc Minh Hương truyền thuyết về Bà, đã kể rằng: Bà Thiên Hậu ở trên tàu, 12 tuổi có phép thần thông. Dân Trung Quốc thờ Bà trên tàu để đi được tốt. Đang ở biển gặp nạn quỳ xuống cầu Bà thì qua (37).

Có thể thấy, tục thờ Thiên Hậu ở Trung Quốc là như vậy nhưng khi du nhập vào Huế, trải qua quá trình tiếp xúc lâu dài với văn hóa Việt, nó đã có nhiều biến đổi. Tại làng Minh Hương, cung này do Hoa thương xây dựng lên ở thời kỳ đầu họ đến đây lập phố buôn bán, vào khoảng năm 1685 nhưng người dân ở đây thường gọi là chùa Bà. Cung nằm ở phía Bắc của làng, quay mặt ra sông Hương, hướng Đông Nam, ban đầu gồm một chính điện, một tiền điện, hữu vu thờ tiền hiền, tả vu làm nơi hội họp, còn gọi là nhà hương hội. Ban đầu, nguyên vật liệu hoàn toàn đem từ Trung Quốc sang và do người Hoa xây dựng. Do đó, công trình mang đặc trưng kiến trúc Trung Quốc. Về mặt chức năng, Thiên Hậu Cung ở làng Minh Hương đã khác xa với những miếu Ma Tổ ở Trung Quốc. Khuôn viên cung có nhà hương hội để hội họp, có nhà thờ Tiền hiền để thờ Thành hoàng, những vị chức sắc, những người có công với làng, Thổ thần với lệ xuân kỳ thu tế, cúng chạp mộ… y như một ngôi đình làng Việt (38).

Về lễ hội, từ ngày 14 đến ngày 16 tháng 7 Âm lịch hằng năm, làng Minh Hương, xã Điền Hải, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế tổ chức Lễ hội Minh Hương Huế. Lễ hội Minh Hương Huế mang đậm màu sắc tâm linh với mong muốn cho một năm bội thu, mưa thuận gió hoà với ngư dân. Giúp người dân có một mùa đi biển bình an, cuộc sống ấm no. Lễ hội nhằm suy tôn Thần Khai canh và được tổ chức tại đình làng Minh Hương, xã Điền Hải, huyện Phong Điền với nhiều hoạt động đặc sắc gắn liền với ngư dân như đua thuyền, bủa lưới, rước thuyền… Bên cạnh đó, còn có nhiều hoạt động văn hoá khác của người Minh Hương thể hiện sự giao lưu và tiếp biến văn hoá giữa văn hoá người Hoa và người Việt.

4. Kết luận

Cũng giống như các khu vực khác của Việt Nam, khu vực Thừa Thiên - Huế từ sớm trong lịch sử cũng đã ghi nhận sự hiện diện của người Hoa. Trong thời kỳ Trịnh-Nguyễn phân tranh và nhất là thời kỳ nhà Nguyễn, cộng đồng người Hoa ở khu vực Thừa Thiên - Huế đã hình thành, nhất là khu vực thành phố Huế. Người Hoa ở đây đã thiết lập cộng đồng cư dân ổn định theo các nhóm cư dân như người Hoa Minh Hương và người Thanh (Hoa kiều). Người Hoa ở Thừa Thiên - Huế đã tham gia tích cực trong các hoạt động kinh tế, đặc biệt là thương mại, họ là những thương nhân chủ yếu nắm hoạt động thương mại khu vực này. Trong đó, người Hoa đã góp phần tạo nên sự hưng thịnh của các thương cảng của khu vực Huế, nhất là thương cảng Thanh Hà. Bên cạnh hoạt động kinh tế, người Hoa cũng ở Thừa Thiên - Huế cũng để lại một số di sản lịch sử - văn hoá có giá trị và đã góp phần phản ánh quá trình phát triển dân cư và kinh tế - xã hội và bang giao quốc tế của khu vực Thừa Thiên - Huế trong lịch sử. Bên cạnh đó, cộng đồng người Hoa ở Thừa Thiên - Huế cũng phản ánh quá trình giao lưu, tiếp xúc và hội nhập mạnh mẽ của người Hoa vào trong xã hội Việt Nam, nhất là người Minh Hương. Họ đã có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển của Việt Nam nói chung và của

khu vực Thừa Thiên - Huế nói riêng trong thế kỷ XVII-XIX .

CHÚ THÍCH

(1). Do những người Hoa được gọi là người Minh Hương đầu tiên ở Việt Nam là những di thần nhà Minh chạy loạn sang Việt Nam trong phong trào *phản Thanh phục Minh*, cho nên tên *Minh Hương* (明 香) đầu tiên có ý nghĩa là *con cháu nhà Minh* hay *những người trung thành với triều đại nhà Minh*, hay duy trì hương hoả của nhà Minh. Sau đó, những thế hệ người lai giữa người Hoa (gốc Minh Hương hoặc Thanh nhân) với người Việt thì được gọi là người *Minh Hương* (明 鄉) (tên gọi riêng cho nhóm người lai giữa người Hoa và người Việt và đã được nhập tịch trở thành người Việt) hay người *Minh hương xã*, cái tên *Minh Hương* với nghĩa là duy trì hương hoả nhà Minh không còn nữa. Cụ thể, năm Minh Mạng thứ 8 (năm 1827), nhà vua ra lệnh "đổi tên xã Minh Hương [明 香- hương thơm- hương hoả] ở các địa phương làm xã *Minh Hương* [明 鄉- làng xã, làng sáng sủa]" Xem thêm: A. Schreiner, *Les Institutions annamites en Basse Cochinchine avant conquête francaise,* t.II; Trần Kinh Hoà (1960), Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An, *Việt Nam Khảo cổ tập san*, Sài Gòn; Đại Nam thực lục, T.2. Đệ nhị kỷ Q. XLVII- Thực lục về Thánh Tổ Nhân Hoàng đế. Nxb. Giáo dục, 2007, tr.649; Dương Văn Huy, Sự chuyển biến cộng đồng người Minh Hương ở Việt Nam từ nửa sau thế kỷ XVII đến nửa sau thế kỷ XIX. Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á,* 9 (210), 2017, tr: 68-75; Duong Van Huy (2015), Study on the Minh Hương xã (Ming-xiang village) in Hội An, Central Vietnam (From the mid-17th to the mid-19th Centuries), Southeast Asian Studies, pp: 88-108; Wheeler Charles (2012), "Identity and Function in Sino-Vietnamese Piracy: Where Are the Minh Hương?" *Journal of Early Modern History*, 16: 503-521; Wheeler Charles (2015), "Interests, Institutions, and Identity: Strategic Adaptation and the Ethno-evolution of *Minh Hương* (Central Vietnam), 16th–19th Centuries", *Itinerario*, 01 (39): 141-166; 李 庆 新, 越 南 明 香 与 明 乡 社. 中 国 社 会 历 史 评 论 [Chinese Social History Review] 10 (2009): 205-225; Liu Juntao, 刘 俊 涛, 越 南 政 权 华 侨 政 策 的 演 变（1600-1840 年）[The Evolution of Vietnam Regime's Overseas Chinese Policy (1600-1840)]. *Shijie Minzu* 世 界 民 族 (4) 2018: 79-87; Taiffao Wi-Vun Chiung 蔣 為 文, 越 南 的 明 鄉 人 與 華 人 移 民 的 族 群 認 同 與 本 土 化 差 異 [Differences between the ethnic identity and localization of Mingxiang people and Chinese immigrants in Vietnam], *Taiwan International Studies Quarterly* 台 灣 國 際 研 究 季 刊 4 (9) (Winter 2013): 1-26.

(2). Thanh nhân (清 人) (người nhà Thanh ở Trung Quốc), là những người Hoa kiều, họ di trú đến Việt Nam khi đó với thân phận là Hoa kiều, chưa được nhập hộ tịch Việt Nam khi đó. Trước khi nhà Thanh ở Trung Quốc được thiết lập, thì những người Hoa kiều di trú sang Việt Nam có thể được gọi bằng các tên như Bắc Khách, người Đường (Đường nhân), người Tống (Tống nhân),... Xem thêm trong: Dương Văn Huy, Sự chuyển biến cộng đồng người Minh Hương ở Việt Nam từ nửa sau thế kỷ XVII đến nửa sau thế kỷ XIX, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, 9 (210), 2017, tr: 68-75; Duong Van Huy, Study on the Minh Hương xã (Ming-xiang village) in Hội An, Central Vietnam (From the mid-17th to the mid-19th Centuries), *Southeast Asian Studies*, 2015, pp: 88-108.

(3). Phan Du, *Quảng Nam qua các thời đại,* Quyển thượng, Cổ học Tùng thư, 1974, tr.185.

(4). Xem thêm trong: Đỗ Bang, *Phố cảng vùng Thuận- Quảng thế kỷ XVII-XVIII,* Nxb Thuận Hóa: Huế, 1996, tr. 95-96; Nguyễn Quang Trung Tiến - Nishimura Masanari (chủ biên), *Văn hóa - lịch sử Huế qua góc nhìn làng xã phụ cận và quan hệ với bên ngoài,* Nxb. Thuận Hoá - Huế, 2011.

(5). Xem trong: Nguyễn Quang Trung Tiến - Nishimura Masanari (chủ biên), *Văn hóa - lịch sử Huế qua góc nhìn làng xã phụ cận và quan hệ với bên ngoài,* Nhà xuất bản Thuận Hoá - Huế, 2011.

(6). Xem trong: Nguyễn Quang Trung Tiến - Nishimura Masanari (chủ biên), *Văn hóa - lịch sử*

Huế qua góc nhìn làng xã phụ cận và quan hệ với bên ngoài, sđd.

(7). Trần Tiễn Thành sinh năm 1813 tại làng Minh Hương (xã Hương Vinh, Thị xã Hương Trà), trong một gia đình người Việt gốc Hoa đã định cư tại phố Thanh Hà hơn 200 năm. Cha làm quan tại Gia Định và mất sớm. Năm 25 tuổi ông đỗ cử nhân, 26 tuổi đỗ tiến sĩ khoa thi Mậu Tuất 1838 được bổ làm Hàn lâm viện biên tu. Qua nhiều chức vụ, năm 1861, ông được thăng làm Thượng thư Bộ Công kiêm Đốc phòng cửa biển Thuận An. Tương truyền lúc nhận chức, ông đã đi thuyền xem xét việc phòng thủ và đi qua cộng đồng làng Minh Hương (xã Điền Hải) lúc bấy giờ. Trước khi ông Trần Tiễn Thành đến vùng đất này vẫn chưa được thừa nhận như một phường ấp, nhiều lần hương chức Thế Chí Đông kéo đinh tráng đến để đập phá, miệt thị, cho rằng tổ tiên của tui ở "độ" trên vùng đất của họ. Đại diện dân cư đầu đơn đến quan nhưng không được giải quyết, tình trạng ấy kéo dài đến cả nửa thế kỷ. Sau khi được người dân trình bày nguyện vọng, ông giúp dân đăng ký lập ấp với tên gọi ấp Minh Hương lệ thuộc vào Minh Hương xã (nay thuộc xã Hương Vinh, thị xã Hương Trà). Và cái tên gọi làng Minh Hương ra đời từ đó. Xem trong: Quỳnh Viên. Một thời "thương cảng" Minh Hương. *Báo Thừa Thiên - Huế,* 02-02-2019. https://baothuathienhue.vn/mot-thoi-thuong-cang-minh-huong-a68691.html

(8). Liên quan đên dòng họ Trần ở làng Minh Hương có thể xem trong: 陳荊和 (1964). 承天明鄉社陳氏正譜. 香港中文大學新亞 研究所東南亞研究室, 民國 53 [1964] 初版; Trần Văn Quyến, Tờ thuận định của dòng họ Trần Tiễn, làng Minh Hương, xã Hương Vinh, Hương Trà, Thừa Thiên Huế. *Thông báo Hán Nôm học*, 2012, tr.613-620.

(9). Chẳng hạn như thời kỳ Lý - Trần, thương khách Trung Quốc thường chỉ được qua lại và buôn bán khu vực Vân Đồn, không được đi sâu vào trong nội địa. Đến thời kỳ nhà Lê, nhất là từ thế kỷ XVII, thương khác ngoại quốc, nhất là Hoa thương chỉ được phép định cư và buôn bán ở bên ngoài phạm vi kinh thành Thăng Long như khu vực Phố Hiến, họ chỉ được vào kinh khi có sự cho phép của chính quyền. Xem thêm, Fujiwara Ruchiro (1974), Chính sách đối với dân Trung Hoa di cư của các triều đại Việt Nam, *Việt Nam khảo cổ tập san*, Sài Gòn, số 8; Fujiwara Riichiro (1994), Quy chế người Hoa dưới chế độ họ Trịnh và Phố Hiến. Phố Hiến, kỷ yếu hội thảo khoa học, 1994.

(10). Trần Kinh Hoà, Làng Minh Hương và phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên.,*Đại Học* số 3, Huế, 1951, tr. 98-99.

(11), (12). (13), (14). Lê Quý Đôn, *Phủ Biên tạp lục,* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 234, 234, 240, 337.

(15). Trần Kinh Hoà, Làng Minh Hương và phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên.,*Đại Học* số 3, Huế, 1951, tr. 99.

(16). Năm 1558, Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa tại cửa Việt lên sông Quảng Trị, đóng dinh tại làng ái Tử huyện Đăng Xương. Năm 1570, dời dinh về làng Trà Bát (tức thôn Trà Bát hiện nay, thuộc dãy chùa Liên Bông xứ Cồn Dinh), cách phía Đông Bắc làng Ái Tử chừng 20 cây số; năm 1670, lại dời về xứ Phù Tho cũng thuộc làng nói trên gọi là Dinh Cát. Năm Vạn Lịch thứ 41 (1613), Nguyễn Hoàng Mất, con là Nguyễn Phúc Nguyên nối ngôi, đến năm 1626, Nguyễn Phúc Nguyên dời dinh từ Dinh Cát qua xã Phúc An, huyện Quảng Điền (tức đất 'Phủ' thôn Phúc An, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên ngày nay), và đổi Dinh thành Phủ. Sách *Đông Tây Dương khảo* biên soạn vào năm Đinh Tỵ niên hiệu Vạn Lịch (1617), những điều ghi chép trong sách ấy khoảng năm 1610, thì Thuận Hóa mà thuyền buôn Trung Hoa qua buôn bán lúc bấy giờ chính là chỉ Dinh Cát bên sông Quảng Trị, thuộc phụ cận tỉnh Quảng Trị ngày nay, chứ không phải là thành Thuận Hóa bên bờ sông Hương. Xem trong, Trần Kinh Hoà, Làng Minh Hương và phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên, *Đại Học* số 3, Huế, 1951, tr. 99.

(17). Trần Kinh Hoà, Làng Minh Hương và phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên., *Đại Học* số 3, Huế, 1951, tr.101-102.

(18). Li Tana and Anthony Reid, "Voiyage de Pierre Poivre en Cochinchine [Pierre Poivre Journey to Cochinchina", in *Southern Vietnam under the Nguyen: Documents on the Economic History of Cochinchina [Dang Trong], 1602-1777*, Institute of Southeast Asian Studies, Singapore, 1993, p.77.

(19), (20), (21). Lê Quý Đôn, *Phủ Biên tạp lục,* Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 231, 234, 326.

(22). Trần Kinh Hoà, Làng Minh Hương và phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên, *Đại Học* số 3, Huế, 1951, tr. 105.

(23). Ch. Chapman, Narrative of a voyage to Cochinchina in 1778, the Asiatic Journal and monthly Register for British India and its Dependencies, vol.4 July-dec., 1817, p.17, dẫn theo Trần Kinh Hoà (1951), Làng Minh Hương và phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên. *Đại Học* số 3, Huế, tr. 107.

(24). Theo một tờ đơn bẩm quan trong hương bộ xã Minh Hương làm năm Cảnh Thịnh thứ 4 (1795) thì trong năm thứ 2 hiệu Quang Trung Tây Sơn (1798), phố Thanh Hà có 792 tên dân nội tịch, nhưng vì thời Tây Sơn phố ấy bị sưu thuế quá nặng nề, nên một phần cư dân không chịu nổi kham khổ, bèn ùa nhau xuất ngoại để mưu sinh, kẻ tình nguyện đầu quân, người thì vào các nha môn làm quan thuộc để tránh sự trưng cầu phiền hà. Đến sau năm thứ 6 (1795), dân cư phố ấy còn chừng 50 đến 60 mà thôi.

(25). Morneau. R. Souvenir historiques en aval de Bao Vinh, phố Lỡ Minh Hương et les maisons de Vannier et de Forsans, BAVH, 1920, tr. 254, theo Đỗ Bang, "*Phố cảng Thanh Hà- Bao Vinh trung tâm thương mại Phú Xuân- Huế thế kỷ XVII-XVIII-XIX*", trong Hội thảo khoa học: "Tiến trình phát triển đô thị ở Thừa Thiên Huế-Đặc trưng và kinh nghiệm lịch sử" Huế.

(26). Trần Kinh Hoà, Làng Minh Hương và phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên.,*Đại Học* số 3, Huế, 1951, tr.113-114.

(27). Michel Đức Chaineau (1876), *souvenirs de Huế, Imprimerie Impériale*, Paris, p.193 et suiv; R. Morineau (1916), *Bao Vinh port Commerce de Huế*, BAVH, 1916, p.83-85; Đào Duy Anh (1943), Phố Lỡ, Premiére colonie chinoise de Thừa Thiên, *Bulletin des Amis de Vieux Huế*, XXXè année, no3, Juillet- Sept, p.260, dẫn theo, Trần Kinh Hoà, Làng Minh Hương và phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên, *Đại Học* số 3, Huế, 1951, tr.114.

(28). Michel Đức Chaineau, *Souvenirs de Huế, Imprimerie Impériale*, Paris, 1876, p.193 et suiv, pp.184-193, dẫn theo Trần Kinh Hoà, Làng Minh Hương và phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên.*Đại Học* số 3, Huế, 1951, tr.115.

(29). Cồn nổi trước mặt làng Minh Hương ở phố Thanh Hà.

(30). J.L. Dutreuil de Rhins, Le Royaume d'Annam et les Annamites, Parris 1889, pp.79-80. Xem trong Trần Kinh Hoà, Làng Minh Hương và phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên.*Đại Học* số 3, Huế, 1951, tr.116.

(31). Đào Duy Anh, *Phố Lở, Premiére colonie chinoise de Thừa Thiên*, Bulletin des Amis de Vieux Huế, XXXè année, no3, Juillet- Sept. 1943, p.264. Dẫn theo Trần Kinh Hoà, Làng Minh Hương và phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên, *Đại Học* số 3, Huế, 1951, tr.117.

(32). Cao Xuân Dục, *Đại Nam Nhất thống chí,* Tỉnh Thừa Thiên, Văn hoá Tùng thư, Nha Văn hoá, Bộ quốc gia Giáo dục, Việt Nam Cộng hoà, 1964.

(33). Đào Duy Anh, *Phố Lỡ, Premiére colonie chinoise de Thừa Thiên*, Bulletin des Amis de Vieux Huế, XXXè année, no3, Juillet- Sept. 1943, p.265. Dẫn theo Trần Kinh Hoà, Làng Minh Hương và phố Thanh Hà thuộc tỉnh Thừa Thiên.*Đại Học* số 3, Huế, 1951, tr.118.

(34). Crawfurd's Report on the state of the Annamese Empire, in Alastair Lamb, *The Mandarin Road to old Hue: Narratives of Anglo-Vietnamese Diplomacy from the 17th century to the eve of the French Conquest*, Chatto & Windus, London, 1970, pp. 264-265.

(35). Xem thêm trong: Vĩnh Thông, Tục thờ Chiêu ứng của người Hoa Hải Nam, *Tạp chí Nguồn sáng dân gian*, số 2, 2018.

(36). Triệu Phong, Thăm Chiêu ứng từ ở Huế và nhìn lại vụ án thảm sát 108 người Hoa dưới triều Tự Đức, Tạp chí *Hợp Lưu*, số 98, tháng 1-2009; Lê Nguyễn Lưu, *Văn Hoá Huế Xưa - Tập 2 : Đời Sống Văn Hoá Làng Xã,* Nxb. Thuận Hóa, 2006, tr. 321-323; Bonhomme, "Le Temple de Chiêu ứng", Bulletin des Amis du Vieux Hué, I:3 (7-9 /1914), pp. 191-209.

(37). Phan Thị Hoa Lý, Tục thờ Thiên hậu ở làng Minh Hương và quá trình tiếp biến văn hoá (trường hợp xã Hương Vinh, huyện Hương Trà, Thừa Thiên - Huế), *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7&8, 2016, tr.129, 132

(38). Phan Thị Hoa Lý, Tục thờ Thiên hậu ở làng Minh Hương và quá trình tiếp biến văn hoá (trường hợp xã Hương Vinh, huyện Hương Trà, Thừa Thiên - Huế), Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7&8, 2016, tr: 128-129.